

Định hướng

Cách dạy học sinh làm một số dạng bài cơ bản thường gặp trong thi cử.

Các em học sinh thân mến!

Dạng bài tìm, phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong thơ văn vốn rất quen thuộc, thường được sử dụng trong kiểm tra, thi cử. Để làm tốt dạng bài này, các em cần nắm được các biện pháp tu từ và vận dụng các bước như sau:

A, Dạng bài về biện pháp tu từ

I. Cần nắm vững các phép tu từ đã học:

1. Các phép tu từ từ vựng:

a. So sánh.

- Khái niệm: **So sánh** là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

- Các kiểu so sánh:

+ Ngang bằng

+ Không ngang bằng

- Tác dụng

+ Gợi hình ảnh

+ Thể hiện tư tưởng tình cảm

- Mô hình cấu tạo đầy đủ của một phép so sánh gồm:

- Vế A(Nêu tên sự vật sự việc được so sánh);

- Vế B(Nêu tên sự vật sự dùng để so sánh với SV,SV nói ở vế A);

- Từ ngữ chỉ phương diện so sánh;

- Từ ngữ chỉ ý so sánh (Gợi tắt là từ so sánh)

* Trong thực tế , mô hình cấu tạo nói trên có thể biến đổi ít nhiều:

- Các từ ngữ chỉ phương diện so sánh và chỉ ý so sánh có thể được lược bớt.

- Vế B có thể đảo lên trước vế A cùng với từ so sánh.

b. Nhân hóa:

- Khái niệm: Nhân hoá là gọi, hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật,... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người; làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật,... trở nên gần gũi với con người, biểu thị được những suy nghĩ, tình cảm của con người.

- Các kiểu nhân hóa

Có 3 kiểu nhân hoá thường gặp :

+ Dùng những từ vốn gọi người để gọi vật.

+ Dùng những từ vốn chỉ hoạt động, tích chất của con người để chỉ hoạt động, tích chất của vật.

+Trò chuyện, xưng hô với vật như đối với người.

c. Ẩn dụ.

- Khái niệm : Ẩn dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

- Các kiểu ẩn dụ:

+ Ẩn dụ hình thức: dựa vào sự tương đồng về hình thức giữa các sự vật, hiện tượng.

+ Ẩn dụ cách thức: dựa vào sự tương đồng về cách thức thực hiện hành động.

+ Ẩn dụ phẩm chất: dựa vào sự tương đồng về phẩm chất giữa các sự vật, hiện tượng.

+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: dựa vào sự tương đồng cảm giác.

d. Hoán dụ:

- Khái niệm: Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên của 1 sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó.

- Các kiểu hoán dụ: Có 4 kiểu hoán dụ thường gặp:

- Lấy 1 bộ phận để gọi toàn thể.

- Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng.

- Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật.

- Lấy cái cụ thể - gọi cái trừu tượng.

e. Nói quá

- Khái niệm: Nói quá là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, qui mô tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh gây ấn tượng tăng sức biểu cảm.

- Tên gọi khác: Thảm xưng, cường điệu, phóng đại, ngoa dụ

g. Nói giảm nói tránh

- Khái niệm: Nói giảm, nói tránh là 1 biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề, tránh thô tục, thiếu lịch sự.

- Cách thực hiện nói giảm, nói tránh

+ Dùng các từ đồng nghĩa (đb là từ HV)

+ Dùng cách nói phủ định từ ngữ trái nghĩa

+ Nói vòng

+ Nói trống (tĩnh lược)

h. Chơi chữ

- Khái niệm: Là BPNT lợi dụng đặc sắc âm, về nghĩa của từ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước... làm câu văn hấp dẫn, thú vị.

- Các lối chơi chữ

Có nhiều lối chơi chữ

+ Dùng từ đồng âm: những từ có âm giống nhau.

+ Dùng lối nói trại âm, gần âm: những từ có âm gần giống nhau.

+ Dùng cách điệp âm: các phụ âm đầu được lặp lại liên tục

Mộng mị mỗi mòn mai một một

Mĩ miều may mắn mấy mà mơ. (Tú Mỡ)

+ Dùng lối nói lái : Đánh tráo phụ âm đầu và phân vần giữa các tiếng để tạo nên từ ngữ khác

VD: khi đi **chưa ngọn**, khi về cũng **chưa ngọn**

+ Dùng từ đồng âm

- + Dùng từ trái nghĩa, đồng nghĩa, gần nghĩa
- + Chơi chữ được sử dụng trong cuộc sống thường ngày, trong văn thơ, đặc biệt là trong thơ văn trào phúng, câu đối, câu đố...

2. Các phép tu từ cú pháp:

a. Điệp ngữ.

- Khái niệm: Là biện pháp lặp lại từ ngữ hoặc cả một câu trong văn thơ.
 - Tác dụng : làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh. Tạo cho câu văn câu thơ, ĐV , đoạn thơ giàu âm điệu, giọng văn trở nên tha thiết, nhịp nhàng hoặc hào hùng mạnh mẽ, nhiều rung cảm, gợi cảm.
 - Các dạng điệp ngữ
 - + Điệp ngữ cách quãng: Các từ ngữ, các câu được lặp lại cách quãng nhau.
 - + Điệp ngữ nối tiếp: Các từ ngữ, các câu được lặp lại liền nhau, nối tiếp nhau.
 - + Điệp vòng tròn(ĐN chuyển tiếp)
- Lặp từ ngữ cuối câu trước và đầu câu sau.

b. Liệt kê.

- Khái niệm: Liệt kê là sắp xếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả được đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế hay của tư tưởng, tình cảm.
- Các kiểu liệt kê:
- Xét theo cấu tạo:
- + Liệt kê theo từng cặp
- + Liệt kê không theo từng cặp.
- Xét theo ý nghĩa:
- + Liệt kê tăng tiến.
- + Liệt kê không tăng tiến.

c. Câu hỏi tu từ:

- Khái niệm: là câu về hình thức là câu hỏi mà về thực chất là câu khẳng định hoặc phủ định có cảm xúc.
- Tác dụng: tăng cường tính diễn cảm của phát ngôn.

d. Đảo ngữ:

- Khái niệm: thay đổi trật tự bình thường của các thành phần câu, các thành tố của cụm từ.
- Tác dụng: nhấn mạnh ý diễn đạt và làm tăng tính gợi hình, gợi cảm cho câu văn, câu thơ

II. Cách làm bài:

Bước 1:

- + Đọc kĩ đề, gạch chân các từ ngữ quan trọng để xác định rõ yêu cầu của đề bài.
- + Tìm nội dung chính của câu, đoạn văn thơ chứa phép tu từ.

Bước 2:

- + Tìm những phép tu từ được sử dụng trong câu, đoạn thơ văn.
- + Xác định từ ngữ có phép tu từ đó.

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

(Ví dụ: ẩn dụ được thể hiện ở từ, cụm từ nào? Nhân hoá thể hiện ở từ ngữ nào?)

Bước 3:

+ Chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ trong việc thể hiện nội dung tư tưởng của đoạn văn, thơ.

+ Trong đó, phân tích kĩ biện pháp nào là hay, đặc sắc nhất, gợi nhiều ấn tượng, cảm xúc cho người đọc.

Vận dụng vốn sống, vốn cảm thụ của bản thân về Ngữ văn liên quan đến nội dung văn bản và kiến thức về biện pháp tu từ để phân tích, trình bày những suy nghĩ, liên tưởng cảm nhận của riêng mình về giá trị biểu đạt, biểu cảm.... của biện pháp tu từ, hiệu quả việc sử dụng các phép tu từ của tác giả để diễn đạt thành công một nội dung cụ thể nào đó trong văn bản.

Chú ý: Có thể đặt các câu hỏi để tìm ý như sau:

Nếu câu, đoạn văn thơ sử dụng phép so sánh:

- Tác giả so sánh sự vật, hiện tượng nào với sự vật hiện tượng nào? Giữa hai đối tượng có nét gì giống nhau? (nét tương đồng).

- Phép so sánh có tác dụng gì trong việc miêu tả sự vật, sự việc: làm cho sự vật, sự việc hiện lên cụ thể sinh động như thế nào?

So sánh có tác dụng gì trong việc thể hiện tư tưởng tình cảm của người viết, trong việc khơi gợi liên tưởng, tưởng tượng hay tình cảm, cảm xúc nơi người đọc.

- So sánh trong câu, đoạn văn thơ ấy hay, độc đáo, đặc sắc, mới lạ ở chỗ nào?

Nếu câu, đoạn thơ văn sử dụng phép nhân hóa:

- Biện pháp nhân hóa làm cho sự việc, hiện tượng vốn không phải là người trở nên giống người như thế nào?

- Nhân hóa còn khiến cho sự vật, hiện tượng không phải là người trở nên sống động, gần gũi với con người ra sao?

- Nhân hóa giúp câu, đoạn thơ (văn) biểu thị những suy nghĩ, tư tưởng, tình cảm gì của con người?

- Biện pháp nhân hóa được tác giả sử dụng hay, đặc sắc ở chỗ nào?

Nếu câu, đoạn thơ văn sử dụng phép ẩn dụ:

Trước hết cần hiểu ẩn dụ là so sánh ngầm, trong đó ẩn đi sự vật, hiện tượng được so sánh (vế A), phương diện so sánh, từ so sánh; chỉ còn lại sự vật, hiện tượng để so sánh (vế B).

- Từ ngữ dùng theo phép ẩn dụ (B) để chỉ sự vật hiện tượng hay khái niệm nào(A)?

- Tìm mối quan hệ (nét tương đồng) giữa sự vật, hiện tượng được biểu thị(A) và sự vật hiện tượng được nêu ra(B)?

- Phép ẩn dụ giúp câu, đoạn thơ (văn) có tính hàm súc, gợi hình ảnh, tăng sức biểu cảm như thế nào?

- Nét độc đáo, đặc sắc, mới lạ của phép ẩn dụ được sử dụng trong bài?

Nếu câu, đoạn thơ văn sử dụng phép hoán dụ:

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

- Từ ngữ dùng theo phép hoán dụ dùng để thay thế cho sự vật, hiện tượng nào?
Dựa trên mối quan hệ gần gũi nào?

- Hoán dụ tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt như thế nào?
- Cách sử dụng phép hoán dụ có gì mới lạ, đặc sắc?

Nếu câu đoạn sử dụng phép điệp ngữ:

- Từ, cụm từ...nào được lặp lại, lặp lại mấy lần.
- Điệp ngữ có tác dụng nhấn mạnh ý như thế nào: ĐN nối tiếp tạo ấn tượng mới mẻ có tính chất tăng tiến; ĐN cách quãng gây ấn tượng nổi bật; ĐN vòng làm cho câu văn, câu thơ liền như đợt sóng.
- Điệp ngữ giúp câu văn, thơ thêm cân đối, nhịp nhàng, hài hòa, có nhịp điệu, làm nổi bật từ ngữ quan trọng, khiến sự diễn đạt sâu sắc thấm thía, có sức thuyết phục mạnh.

Nếu câu, đoạn sử dụng phép chơi chữ:

- Chơi chữ ở từ, cụm từ nào, theo lối nào?
- Chơi chữ có tác dụng tạo sắc thái dí dỏm, hài hước, hoặc tạo cách hiểu bất ngờ, thú vị như thế nào?

Nếu câu, đoạn sử dụng phép liệt kê:

- Liệt kê có tác dụng nêu lên sự phong phú đa dạng, phức tạp của sự vật hiện tượng như thế nào? .

Nếu câu, đoạn sử dụng phép tương phản:

- Tương phản thể hiện ở từ ngữ nào? Đó là những hành động, những cảnh tượng, hay những tính cách trái ngược nhau?
- Tương phản làm nổi bật bản chất của đối tượng, hay làm nổi bật một ý tưởng, hoặc tư tưởng của tác phẩm?

Nếu câu, đoạn sử dụng phép nói quá:

- Phép nói quá đã phóng đại mức độ, qui mô, tính chất của sự vật, sự việc, hay hiện tượng ?
- Phép nói quá nhằm nhấn mạnh điều gì? tăng sức biểu cảm như thế nào?

Nếu câu, đoạn sử dụng phép nói giảm, nói tránh:

- Từ ngữ nào được dùng theo phép nói giảm, nói tránh?
- Nói giảm, nói tránh dùng để giảm nhẹ mức độ khi phải đề cập đến những chuyện đau buồn, ghê sợ hay để biểu lộ thái độ lịch thiệp, tránh thô tục?

Nếu câu, đoạn sử dụng câu hỏi tu từ:

- Câu hỏi tu từ nhằm để khẳng định hay phủ định?
- Câu hỏi tu từ dùng để biểu lộ tâm tư hay tình cảm, cảm xúc?

Bước 4:

Viết đoạn văn, hoặc bài văn ngắn phân tích tác dụng của biện pháp tu từ.

Hình thức: Trình bày thành một đoạn văn hay bài văn tùy theo yêu cầu của đề.

* Viết đoạn văn:

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

Đoạn văn có thể được triển khai theo một trong các cách mà các em đã học: diễn dịch, qui nạp, tổng- phân - hợp...

* Viết bài văn ngắn:

Bài văn ngắn có bố cục ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài.

Cách viết

a, *Mở đoạn (hoặc mở bài)*: Giới thiệu đoạn văn thơ có chứa phép tu từ, nội dung chính của đoạn.

(Có thể viết 1 đến 2 câu)

b, *Phát triển đoạn(hoặc thân bài)*:

Gồm các câu tiếp theo, số câu tùy người viết hoặc theo yêu cầu của đề bài.

- Chỉ ra, phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ trong việc thể hiện nội dung tư tưởng của đoạn thơ(văn). Làm theo gợi ý ở bước 2, 3 .

- Có thể so sánh, liên tưởng với những trường hợp tương tự khác để thấy rõ hơn nét riêng, độc đáo, sáng tạo của tác giả trong văn bản đó.

c, *Kết đoạn(hoặc kết bài)*:

Khẳng định lại giá trị của các biện pháp tu từ trong đoạn thơ (văn), ấn tượng, cảm xúc của người viết.

(Có thể viết 1 đến 2, 3 câu tùy đó là đoạn hay bài)

III. Ví dụ minh họa:

1. Lớp 6

Viết đoạn văn phân tích tác dụng của phép nhân hóa trong đoạn thơ sau:

*“Ông trời
Mặc áo giáp đen
Ra trận
Muôn nghìn cây mía
Múa gươm
Kiến
Hành quân
Đầy đường”*

(Mưa - Trần Đăng Khoa - Ngữ văn 6 tập 2 trang 78)

Bước 1. Đọc, xác định nội dung chính của đoạn thơ: Cảnh vật khi trời sắp mưa.

Bước 2. Xác định phép tu từ:

Các sự vật được nhân hóa:

-Bầu trời được gọi là “ông”, có hành động “ *mặc áo giáp*”, “*ra trận*”.

- Mía “*múa gươm*”.

- Kiến “*hành quân*”.

Bước 3. Phân tích tác dụng:

- Biện pháp nhân hóa kết hợp với sự liên tưởng, tưởng tượng phong phú đó tái hiện cảnh trời sắp mưa ở làng quê giống như cảnh tượng một cuộc ra trận của con người với khí thế mạnh mẽ, khẩn trương:

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

- + Bầu trời đầy mây đen trở thành vị tướng mặc áo giáp đen đang dẫn quân xuất trận.
- + Vườn mía với muôn nghìn cây lá dài, sắc nhọn quay cuồng, ngả nghiêng trong gió được hình dung thành những lưỡi gươm khua lên trong tay các chiến sĩ của một đội quân đang mùa gươm, chuẩn bị ra trận.
- + Kiến đi tránh mưa từng hàng dài, có hàng lối thành đoàn quân đang hành quân vội vã.

Phép nhân hóa cùng sức tưởng tượng và khả năng liên tưởng độc đáo của nhà thơ trẻ khiến cho cảnh vật thiên nhiên bình dị ở làng quê trở nên sống động, có hồn, gần gũi với con người. Đoạn thơ cho thấy cách cảm nhận thiên nhiên hồn nhiên tinh tế, trong sáng, rất trẻ thơ của tác giả, qua đó khơi gợi tình yêu thiên nhiên làng quê, yêu cuộc sống nơi bạn đọc.

Bước 4. Viết đoạn văn .

Với học sinh lớp 6 cần hướng dẫn để các em hiểu cách viết một đoạn văn đơn giản đó là cần có câu mở đoạn hoặc có cả câu kết đoạn; đoạn văn được bắt đầu bằng chữ cái viết hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng.

Đoạn văn minh họa: Đoạn văn viết trong bài kiểm tra Tiếng Việt 45 phút của học sinh trường THCS 2 Thị trấn Thanh Ba.

“ Bài thơ *Mưa* của Trần Đăng Khoa là một tác phẩm hay và độc đáo. Trong bài thơ có một đoạn mà em rất thích:

“*Ông trời
Mặc áo giáp đen
Ra trận
Muôn ngàn cây mía
Múa gươm
Kiến
Hành quân
Đầy đường*”

Biện pháp tu từ nhân hóa đã được tác giả sử dụng nhiều, khá độc đáo trong đoạn thơ. Trần Đăng Khoa đã nhân hóa bầu trời đầy mây đen thành một vị tướng oai phong “*mặc áo giáp đen*” dẫn quân xuất trận. Vườn mía muôn ngàn cây với những lá mía nhọn, dài ngả nghiêng theo gió biến thành đội quân đông đảo đang “*múa gươm*” tập luyện. Những con kiến nhỏ đi tránh mưa thành hàng dài nhờ phép nhân hóa bỗng trở thành những người lính đang “*hành quân*” vội vã ra chiến trận. Đọc đoạn thơ, em hình dung cảnh vật ở làng quê khi trời sắp mưa chẳng khác nào một cuộc chiến đấu với khí thế mạnh mẽ và khẩn trương. Nhờ phép nhân hóa và sự liên tưởng độc đáo của tác giả mà sự vật bình dị, quen thuộc ở làng quê quanh ta trở nên sống động, có hồn, gần gũi và mang dáng dấp con người. Đoạn thơ hay đã thể hiện tình cảm yêu mến, gắn bó với thiên nhiên cùng tài quan sát, trí tưởng tượng phong phú của nhà thơ. ”

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

(Phạm Thị Thanh Quyên - học sinh lớp 6A1 năm học 2010-2011)

1. Bài tập trong chương trình ngữ văn lớp 6:

Bài 1:Viết đoạn văn phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ đọc sử dụng trong đoạn thơ sau :

“Anh đội viên mơ màng

Nh nằm trong giấc mộng

Bóng Bác cao lồng lộng

ấm hơn ngọn lửa hồng”

(*Đêm nay Bác không ngủ* - Minh Huệ)

* Gợi ý:

HS chỉ ra và phân tích rõ đọc hiệu quả, tác dụng của biện pháp tu từ so sánh tác giả dùng trong đoạn thơ.

- Xác định đọc nội dung của đoạn: Tâm trạng của anh đội viên khi đọc ở bên Bác, đọc Bác yêu thương chăm sóc.

- Xác định phép tu từ , phân tích đọc tác dụng:

+ HS chỉ ra đọc phép tu từ qua hai hình ảnh so sánh qua các từ ngữ so sánh “nh, hơn”

+ Phân tích đọc tác dụng của cách so sánh ấy trong sự diễn đạt ý thơ . Cụ thể:

*So sánh thứ nhất: (2 câu trớc) Dựa vào sự tong đồng (sự giống nhau) giữa tâm trạng mơ màng với ngời nằm mơ một giấc mộng để diễn tả sự ngạc nhiên ngỡ ngàng cùng niềm hạnh phúc , niềm vui sống lớn lao của anh đội viên khi đọc Bác chăm sóc yêu thương, anh tổng nh đó là một giấc mơ.

*So sánh thứ hai: (Hai câu sau) Tác giả sử dụng từ ngữ so sánh có tính chất hơn kém: *Bóng Bác cao lồng lộng, ấm hơn ngọn lửa hồng.* Đây là một so sánh hay, chân thực, gợi cảm diễn tả tình yêu thương bao la của Bác dành cho bộ đội dân công thật nồng ấm hơn cả ngọn lửa hồng trong đêm khuya giá rét ở chiến khu Việt Bắc.

=> Hai hình ảnh so sánh góp phần khẳng định niềm hạnh phúc, lòng vui sống của anh đội viên khi đọc ở bên Bác, đọc Bác yêu thương chăm chút. Qua đó ngời đọc còn cảm nhận được tấm lòng biết ơn, cảm phục, kính yêu của anh đối với Bác. Đó cũng là tấm lòng của cả dân tộc đối với vị lãnh tụ suốt đời quên mình vì dân vì nước.

Bài 2: Cho câu văn sau: *“Đọc sông, những chòm cỏ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước”*. (Vọng thác – Võ Quảng)

Em hãy cho biết câu văn trên sử dụng phép tu từ gì? Phép tu từ đó giúp em cảm nhận thế nào về cảnh đọc tả?

* Gợi ý:

- Câu văn sử dụng phép tu từ nhân hóa : dùng những từ ngữ tả ngời: *dáng mãnh liệt, đứng trầm ngâm, lặng nhìn xuống nước* để gợi tả những cây cỏ thụ ven sông.

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

- Phép nhân hóa đã tái hiện chân thực sinh động hình ảnh những cây cổ thụ ven bờ sông Thu Bồn. Những chòm cổ thụ gắn bó với cuộc sống con người vừa già nua tuổi tác vừa vững vàng, từng trải nh nh những cụ già cao tuổi. Những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nóc khi cha đến thác chẳng khác nào người già từng trải, lo lắng, dõi theo mỗi con thuyền đi qua và cẩn trọng suy ngẫm về sức mạnh của con người trước thử thách. Dáng vẻ đó còn ngầm dự báo về những thác dữ hiểm nguy đang đợi chờ phía trước cho những con thuyền.

Bài 3: Phân tích tác dụng các phép tu từ được sử dụng trong đoạn văn sau:

“Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh, phúc hậu nh lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đồng bệ đặt lên một mâm bạc đồng kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nóc biển ửng hồng. Y nh một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trông thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thủa biển Đông. Vài chiếc nhạn mùa thu chao đi chao lại trên mâm bệ sáng dần lên cái chất bạc nén. Một con hải âu bay ngang, là là nhịp cánh.” (Cô Tô - Nguyễn Tuân)

*** Gợi ý:**

+ Biện pháp so sánh : mặt trời mọc trên biển- tròn trĩnh, phúc hậu nh lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn-> Hình ảnh so sánh đặc sắc, rất gần gũi chân thực -> giúp người đọc vừa thấy được hình dáng tròn trĩnh, phúc hậu vừa hình dung được màu sắc đỏ tươi, rực rỡ, hồng hào thăm thẳm, kích thích kì vĩ của quả trứng thiên nhiên.

+ ẩn dụ: mâm bạc (mặt biển) -> gợi hình dáng, màu sắc của biển khi mặt trời mọc, kích thích kì vĩ của thiên nhiên.

+ So sánh: Cảnh mặt trời mọc (trứng hồng – mâm bạc) – mâm lễ phẩm -> giúp người đọc hình dung được nghi lễ của bữa đại tiệc mang tầm vóc vũ trụ. Sự so sánh vừa đúng với cảnh mặt trời mọc vừa gợi sự trang trọng, uy nghi của thiên nhiên biển cả. -> Thể hiện sự giao cảm lớn của nhà văn với thiên nhiên vũ trụ, tình cảm yêu mến, trân trọng người lao động -> khơi gợi tình yêu thiên nhiên đất nước.

Bài 1:

Chỉ ra giá trị diễn đạt của phép so sánh trong việc làm nên cái hay của bài thơ sau:

Trên trời mây trắng như bông,
Ở dưới cánh đồng bông trắng như mây.
Hỡi cô má đỏ hây hây,
Đội bông như thể đội mây về làng.
(Mây và bông – Ngô Văn Phú)

*** Gợi ý:**

+ Chỉ ra được các hình ảnh so sánh:

- “mây trắng như bông”
- “bông trắng như mây”
- “đội bông như thể đội mây về làng”.

+ Chỉ ra được giá trị diễn đạt của phép so sánh:

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

- So sánh ngược chiều: mây như bông, bông như mây => gọi màu trắng bạt ngàn, đất trời như không có giới hạn, làm hiện rõ không gian rộng lớn được bao trùm một màu trắng => màu trắng trở thành phong nền làm nổi bật hình ảnh “cô má đỏ hây hây”.

- Hình ảnh “Đội bông như thể đội mây về làng” làm cho hình ảnh người lao động trở nên lớn lao, đẹp đẽ.

=> Từ đó tác giả đã khắc họa được vẻ đẹp của người lao động và thể hiện thái độ trân trọng, ngợi ca con người lao động của mình.

Bài 2: Gọi tên và phân tích hiệu quả thẩm mỹ của các biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau:

Quê hương tôi có con sông xanh biếc
Nước gương trong soi tóc những hàng tre.
Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè
Toả nắng xuống lòng sông lấp lánh.

*** Gọi ý:**

- Gọi tên và phân tích hiệu quả thẩm mỹ các biện pháp tu từ về từ trong đoạn thơ

+) So sánh: nước (như) tấm gương trong

+) So sánh: tâm hồn tôi (là) một buổi trưa hè

+) Nhân hoá: soi tóc những hàng tre

- Phân tích được hiệu quả thẩm mỹ

+) Hình ảnh con sông quê hương hiện lên trong kí ức tác giả thật trong trẻo, thơ mộng và hữu tình. Những hàng tre được nhân hoá như những cô gái duyên dáng nghiêng mình soi tóc xuống dòng sông. Tâm hồn là khái niệm trừu tượng, vô hình được cụ thể hoá qua hình ảnh hữu hình: *buổi trưa hè*.

+) Nhờ các biện pháp tu từ này, tác giả diễn tả được tình yêu thiên nhiên, đặc biệt là tình cảm thiết tha, cháy bỏng đối với quê hương.

Bài 3: Phân tích các biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau:

Tiếng chim vách núi nhỏ dần,
Rì rầm tiếng suối khi gần, khi xa.
Ngoài thềm rơi chiếc lá đa,
Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng.
(Đêm Côn Sơn - Trần Đăng Khoa)

*** Gọi ý :** HS chỉ ra được các biện pháp tu từ được sử dụng trong mỗi câu thơ và phân tích:

Tiếng chim vách núi nhỏ dần

Nghệ thuật đảo ngữ: từ “vách núi” được đặt lên trước “nhỏ dần” tạo nên sự hài hoà, đối xứng cho câu thơ đồng thời gợi không gian bao la, tĩnh lặng trong đêm ở Côn Sơn. Ta cảm nhận được sự nhỏ bé, cô đơn, lẻ loi của tiếng chim trước sự hùng vĩ của thiên nhiên, núi rừng.

Rì rầm tiếng suối khi gần, khi xa

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

Nghệ thuật đảo ngữ: từ láy “rì rào” được đặt lên trước từ “tiếng suối” tạo nên âm điệu dịu dặt, nhịp nhàng, nhấn mạnh âm thanh nhẹ nhàng, êm dịu của tiếng suối lúc gần, lúc xa trong đêm vắng. Câu thơ khắc họa bức tranh đêm Côn Sơn vừa thơ mộng vừa huyền ảo và huyền bí .

Ngoài thêm rơi chiếc lá đa

Cũng là nghệ thuật đảo ngữ: động từ “rơi” được đưa lên trước “chiếc lá đa” vừa tạo sự nhịp nhàng cho câu thơ, vừa gợi tả sự vận động thật dịu nhẹ, khẽ khàng của chiếc lá .

Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng

Nghệ thuật ẩn dụ (thuộc kiểu ẩn dụ chuyển đổi cảm giác): “mỏng” chỉ đặc điểm, kích thước của sự vật (được cảm nhận bằng thị giác, xúc giác) → “mỏng” (tiếng rơi được cảm nhận qua thính giác). Bên cạnh đó, tác giả còn sử dụng nghệ thuật so sánh, miêu tả trạng thái rơi của chiếc lá thật độc đáo “rơi nghiêng”, tạo ra hình ảnh thơ vừa giàu chất tạo hình vừa mang giá trị biểu cảm cao. Chiếc lá đa lìa cành không chỉ được cảm nhận bằng xúc giác, thị giác, thính giác mà bằng cả tâm hồn tinh tế, nhạy cảm của nhà thơ